

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ
XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ
XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Hải	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Lộc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên
Ông Trương Hữu Quyên	Thành viên
Ông Trần Thiện Thế	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Hải	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Hà	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, *ue*

Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Số: 350 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

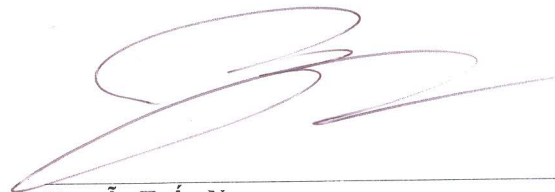
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2110-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		315.696.118.333	303.472.120.588
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	175.309.550.025	126.659.994.615
1. Tiền	111		50.398.243.457	35.331.574.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		124.911.306.568	91.328.420.102
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.860.207.459	117.862.297.905
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	82.296.778.416	112.334.480.223
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.378.860.841	8.524.774.651
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.462.990.241	1.665.766.883
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.278.422.039)	(4.662.723.852)
III. Hàng tồn kho	140	9	46.220.360.636	54.490.283.280
1. Hàng tồn kho	141		46.220.360.636	54.490.283.280
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.306.000.213	4.459.544.788
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	7.211.241.638	3.611.057.480
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11	236.382.606	441.516.468
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	858.375.969	406.970.840
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		523.298.388.158	476.665.747.942
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.374.906.587	6.808.781.882
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	9.374.906.587	6.808.781.882
II. Tài sản cố định	220		161.326.995.164	127.577.504.749
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	159.831.167.156	126.522.287.824
- Nguyên giá	222		347.154.626.645	287.209.572.236
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(187.323.459.489)	(160.687.284.412)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.495.828.008	1.055.216.925
- Nguyên giá	228		2.569.601.600	2.011.001.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.073.773.592)	(955.784.675)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	175.899.496.721	156.447.906.493
- Nguyên giá	231		202.937.711.395	179.427.019.447
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27.038.214.674)	(22.979.112.954)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		86.933.186.808	111.562.759.075
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	86.933.186.808	111.562.759.075
V. Tài sản dài hạn khác	260		89.763.802.878	74.268.795.743
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	88.066.277.354	71.965.562.030
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.697.525.524	2.303.233.713
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		838.994.506.491	780.137.868.530

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

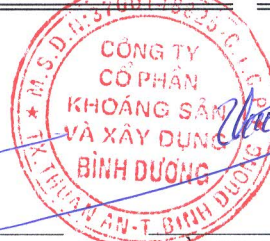
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015		31/12/2014	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		315.519.340.506		294.044.478.920	
I. Nợ ngắn hạn	310		118.002.529.682		111.017.311.422	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	19.444.956.610		25.516.177.835	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.152.090.244		1.845.215.964	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	15.983.358.845		23.296.013.939	
4. Phải trả người lao động	314		14.364.489.605		12.144.134.990	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.596.414.840		352.001.091	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	5.802.859.352		4.514.464.404	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	38.905.156.451		30.559.687.504	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.753.203.735		12.789.615.695	
II. Nợ dài hạn	330		197.516.810.824		183.027.167.498	
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	170.714.127.089		157.840.699.688	
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	26.802.683.735		25.186.467.810	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		523.475.165.985		486.093.389.610	
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	523.475.165.985		486.093.389.610	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		234.000.000.000		180.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		234.000.000.000		180.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.658.500		37.000.000.000	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		217.488.694.170		202.246.384.650	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.984.813.315		66.847.004.960	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		14.717.223.659		20.167.304.990	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		57.267.589.656		46.679.699.970	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		838.994.506.491		780.137.868.530	



Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu



Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		737.794.998.300	624.012.435.571
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		55.240.000	4.037.633
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	737.739.758.300	624.008.397.938
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	473.982.661.387	404.362.129.321
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		263.757.096.913	219.646.268.617
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	4.856.892.831	1.713.475.575
7. Chi phí bán hàng	25	29	62.064.210.334	67.647.930.885
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	43.143.827.240	34.080.348.856
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		163.405.952.170	119.631.464.451
10. Thu nhập khác	31		4.263.919.126	11.650.772.248
11. Chi phí khác	32		4.908.037.141	5.972.339.354
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(644.118.015)	5.678.432.894
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		162.761.834.155	125.309.897.345
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	36.848.204.428	28.324.975.407
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	605.708.189	224.885.078
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		125.307.921.538	96.760.036.860
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	4.421	3.603


Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởngTrần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	162.761.834.155	125.309.897.345
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	32.241.071.025	32.405.816.619
Các khoản dự phòng	03	615.698.187	(1.570.742.953)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.597.832.457)	(940.323.729)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.274.514.920)	(859.705.358)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	190.746.255.990	154.344.941.924
Thay đổi các khoản phải thu	09	28.645.068.273	(10.054.513.300)
Thay đổi hàng tồn kho	10	8.269.922.644	(13.339.162.314)
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.608.853.210	53.258.175.088
Thay đổi chi phí trả trước	12	(19.700.899.482)	(5.566.214.575)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(31.543.749.422)	(29.588.044.220)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.728.500	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.619.178.291)	(10.496.597.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	157.409.001.422	138.558.584.911
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(59.660.463.139)	(45.429.422.301)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	115.196.282	2.209.272.727
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.187.988.388	716.668.153
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(58.357.278.469)	(42.503.481.421)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	45.051.722.953	42.055.103.490
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	126.659.994.615	83.664.567.396
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.597.832.457	940.323.729
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	175.309.550.025	126.659.994.615


Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởngTrần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, và giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và đăng ký thuế điều chỉnh số 3700148825 ngày 24 tháng 7 năm 2015, Công ty tăng vốn điều lệ lên 234.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) hiện đang sở hữu 50,05% vốn điều lệ của Công ty, các cổ đông khác nắm giữ 49,95%. Từ ngày 24 đến ngày 26 tháng 2 năm 2016, SCIC đã bán toàn bộ số cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 523 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 508 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mỏ; kinh doanh nhà ở; sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cấu kiện bê tông đúc sẵn; kinh doanh xăng dầu; đầu tư kinh doanh khu du lịch; nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm; khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất và thi công giếng khoan, khai thác nước ngầm.

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cụm công nghiệp, cung cấp dịch vụ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm hiện hành như đã trình bày tại thuyết minh số 38.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2015</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 15	05 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 12	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 06	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất thể hiện các chi phí phát sinh để có quyền sử dụng khu đất 41.632 m² tại phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 38 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê đất tại Khu Công nghiệp Đất Cuốc tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Đất Cuốc tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

112
CHIA
CỔ
CHÍNH
ĐẠI
VIỆ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng bắt đầu từ khi đưa bất động sản vào khai thác và sử dụng đến hết thời gian đầu tư của dự án vào năm 2053.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí đền bù, giải tỏa, chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất để khai thác các mỏ đất, đá và chi phí cải tạo các mỏ đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ một năm đến ba năm. Riêng các chi phí trả trước dài hạn liên quan đến mỏ đá Tân Mỹ được phân bổ theo sản lượng khai thác hàng năm tính trên tổng trữ lượng của mỏ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn cổ phần khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn cổ phần.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo điều lệ, Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo tỷ lệ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%
Quỹ đầu tư phát triển	10%

002-C
NH
CY
HUU HAN
TE
AM
O CHIA

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Riêng Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được trích trong năm 2015 là 2.000.000.000 đồng, quỹ thưởng Ban điều hành được trích là 2.000.000.000 đồng từ lợi nhuận còn lại của năm 2014 thực hiện theo Nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2015.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.140.230.209	579.190.575
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.258.013.248	34.752.383.938
Các khoản tương đương tiền	124.911.306.568	91.328.420.102
	<u>175.309.550.025</u>	<u>126.659.994.615</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn là 03 tháng hoặc ngắn hơn. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định 0,3%/năm (năm 2014: 0,3%) đối với tiền gửi kỳ hạn bằng Đô la Mỹ và lãi suất từ 4%/năm (năm 2014: từ 4,3% đến 5,5%/năm) đối với tiền gửi kỳ hạn bằng Việt Nam đồng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công Ty TNHH Xây Dựng Lê Phan	12.290.760.570	8.512.195.615
- Các khoản phải thu khách hàng khác	70.006.017.846	103.822.284.608
	<u>82.296.778.416</u>	<u>112.334.480.223</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn		
Phải thu lãi tiền gửi	86.666.667	72.078.374
Phải thu người lao động	3.303.190.000	1.514.767.600
Các khoản phải thu khác	73.133.574	78.920.909
	3.462.990.241	1.665.766.883
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	9.374.906.587	6.808.781.882
	9.374.906.587	6.808.781.882
	<u>12.837.896.828</u>	<u>8.474.548.765</u>

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	10.095.736.399	4.817.314.360	8.615.391.773	3.952.667.921

Giá trị có thể thu hồi được của các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày lập báo cáo.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	10.275.094.092	9.698.498.454
Công cụ, dụng cụ	221.287.722	453.467.512
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	239.220.681	333.166.100
Thành phẩm	35.461.525.883	43.965.766.059
Hàng hóa	23.232.258	39.385.155
	<u>46.220.360.636</u>	<u>54.490.283.280</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.002.652.720	1.357.544.476
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.208.588.918	2.253.513.004
	<u>7.211.241.638</u>	<u>3.611.057.480</u>
b. Dài hạn		
- Chi phí đền bù	59.445.597.069	53.767.807.496
- Chi phí cấp quyền khai thác	14.348.667.995	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.041.239.317	746.932.306
- Chi phí trả trước dài hạn khác	12.230.772.973	17.450.822.228
	<u>88.066.277.354</u>	<u>71.965.562.030</u>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phát sinh trong năm	Số được khấu trừ trong năm	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	441.516.468	41.385.045.763	41.590.179.625	236.382.606
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	406.970.840	5.390.331.786	5.841.736.915	858.375.969
Thuế thu nhập cá nhân	404.678.090	1.506.895.507	1.460.593.386	358.375.969
Thuế tài nguyên	2.292.750	558.476.934	556.184.184	-
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	-	3.324.959.345	3.824.959.345	500.000.000
	<u>848.487.308</u>	<u>46.775.377.549</u>	<u>47.431.916.540</u>	<u>1.094.758.575</u>
	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	2.082.228.949	34.199.642.610	32.239.836.250	4.042.035.309
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.569.992.476	36.848.204.428	31.543.749.422	8.874.447.482
Thuế tài nguyên	2.005.197.657	30.793.832.666	30.394.701.559	2.404.328.764
Thuế môn bài	-	18.000.000	18.000.000	-
Phí bảo vệ môi trường	569.588.075	8.503.027.175	8.410.067.960	662.547.290
Các khoản phải nộp khác	15.069.006.782	29.603.750.259	44.672.757.041	-
	<u>23.296.013.939</u>	<u>139.966.457.138</u>	<u>147.279.112.232</u>	<u>15.983.358.845</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	96.837.608.168	141.786.493.088	46.242.214.225	2.343.256.755	287.209.572.236
Mua trong năm	-	10.412.661.727	3.609.058.045	-	14.021.719.772
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	46.526.114.016	170.875.000	-	-	46.696.989.016
Thanh lý	(773.654.379)	-	-	-	(773.654.379)
Tại ngày 31/12/2015	142.590.067.805	152.370.029.815	49.851.272.270	2.343.256.755	347.154.626.645
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	40.314.693.445	81.767.563.343	37.093.350.435	1.511.677.189	160.687.284.412
Khấu hao trong năm	10.228.360.375	13.222.948.726	3.668.811.822	189.966.797	27.310.087.720
Thanh lý	(673.912.643)	-	-	-	(673.912.643)
Tại ngày 31/12/2015	49.869.141.177	94.990.512.069	40.762.162.257	1.701.643.986	187.323.459.489
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	92.720.926.628	57.379.517.746	9.089.110.013	641.612.769	159.831.167.156
Tại ngày 31/12/2014	56.522.914.723	60.018.929.745	9.148.863.790	831.579.566	126.522.287.824

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 105.984.062.777 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 62.494.527.874 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	1.807.721.600	203.280.000	2.011.001.600
Tăng trong năm	-	558.600.000	558.600.000
Tại ngày 31/12/2015	1.807.721.600	761.880.000	2.569.601.600
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	752.504.675	203.280.000	955.784.675
Khấu hao trong năm	53.419.561	64.569.356	117.988.917
Tại ngày 31/12/2015	805.924.236	267.849.356	1.073.773.592
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	1.001.797.364	494.030.644	1.495.828.008
Tại ngày 31/12/2014	1.055.216.925	-	1.055.216.925

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	30.436.883.639	148.990.135.808	179.427.019.447
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	23.510.691.948	-	23.510.691.948
Tại ngày 31/12/2015	53.947.575.587	148.990.135.808	202.937.711.395
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	7.606.459.040	15.372.653.914	22.979.112.954
Khấu hao trong năm	1.556.229.830	2.502.871.890	4.059.101.720
Tại ngày 31/12/2015	9.162.688.870	17.875.525.804	27.038.214.674
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	44.784.886.717	131.114.610.004	175.899.496.721
Tại ngày 31/12/2014	22.830.424.599	133.617.481.894	156.447.906.493

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Đất Cốc tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a. Chi phí xây dựng cơ bản dờ dang dài hạn				
- Xây dựng cơ bản dở dang	86.933.186.808	86.933.186.808	111.562.759.075	111.562.759.075
Trong đó:				
			31/12/2015	31/12/2014
			VND	VND
- Công trình dự án khu công nghiệp Đất Cuốc		41.338.053.182	63.213.066.063	
- Công trình dự án mỏ sét Bồ Lá		18.124.880.000	1.300.000.000	
- Công trình dự án mỏ đá Phước Vĩnh		12.337.234.800	12.337.234.800	
- Công trình dự án biệt thự Bình Đức Tiến		6.589.253.494	989.656.074	
- Công trình dự án mỏ cao lanh Minh Long		1.692.045.000	2.908.532.064	
- Công trình dự án mỏ cao lanh Tân Lập		-	1.219.545.455	
- Công trình dự án khu dịch vụ		-	28.082.453.357	
- Khác		6.851.720.332	1.512.271.262	
		86.933.186.808	111.562.759.075	

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước.

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.360.536.747	5.541.022.918
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.663.011.223)	(3.237.789.205)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.697.525.524	2.303.233.713
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.663.011.223	3.237.789.205
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.663.011.223)	(3.237.789.205)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả cho hoạt động kinh doanh khoáng sản	14.684.415.322	17.465.268.289
Phải trả cho hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	4.760.541.288	8.050.909.546
	<u>19.444.956.610</u>	<u>25.516.177.835</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn		
Phí quản lý lòng hồ Dầu Tiếng	406.409.022	94.666.091
Chi phí Xí Nghiệp Bê Tông	719.984.000	-
Khác	470.021.818	257.335.000
	<u>1.596.414.840</u>	<u>352.001.091</u>

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn	5.802.859.352	4.514.464.404
- Doanh thu nhận trước	5.802.859.352	4.514.464.404
b. Dài hạn	170.714.127.089	157.840.699.688
- Doanh thu nhận trước	170.714.127.089	157.840.699.688
	<u>176.516.986.441</u>	<u>162.355.164.092</u>

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện các khoản tiền thuê và phí quản lý nhận trước từ việc cho thuê đất tại Khu công nghiệp Đất Cuốc với thời hạn thuê từ 41 năm đến 48 năm.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	499.260.616	558.606.618
Cổ tức cho cổ đông	35.100.000.000	27.036.102.800
Phải trả khác	3.305.895.835	2.964.978.086
	<u>38.905.156.451</u>	<u>30.559.687.504</u>

21. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Dự phòng chi phí cải tạo môi trường <u>VND</u>	Dự phòng trợ cấp mất việc làm <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2015	18.694.602.810	6.491.865.000	25.186.467.810
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	2.278.639.619	-	2.278.639.619
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(267.275.069)	(395.148.625)	(662.423.694)
Tại ngày 31/12/2015	<u>20.705.967.360</u>	<u>6.096.716.375</u>	<u>26.802.683.735</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2015	31/12/2014
Được phép phát hành:		
Số lượng cổ phần	23.400.000	18.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	234.000.000.000	180.000.000.000
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần	23.400.000	18.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	234.000.000.000	180.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Danh sách các cổ đông chính của Công ty nắm giữ 5% cổ phần trở lên và các cổ đông khác như sau:

	Tại ngày 31/12/2015			Tại ngày 31/12/2014		
	Cổ phiếu	%	VND	Cổ phiếu	%	VND
Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước	11.711.052	50,05	117.110.520.000	9.008.502	50,05	90.085.020.000
Erikoissijoitusrahasto Elite (Mutual Fund Elite (Non-Ucits))	-	-	-	1.000.000	5,56	10.000.000.000
Pxp Vietnam Fund Limited	-	-	-	1.187.922	6,60	11.879.220.000
Pyn Elite Fund (Non-Ucits)	1.300.000	5,56	13.000.000.000	-	-	-
Cổ đông khác	10.388.948	44,40	103.889.480.000	6.803.576	37,80	68.035.760.000
	23.400.000	100	234.000.000.000	18.000.000	100	180.000.000.000

12500-
HI NHÀ
CÔNG
NHIỆM
ELOIT
IẾT N
- TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014 như được trình bày năm trước	180.000.000.000	37.000.000.000	164.082.118.241	28.582.295.095	47.167.304.990	456.831.718.326
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	28.582.295.095	(28.582.295.095)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2014 như được phân loại lại	180.000.000.000	37.000.000.000	192.664.413.336	-	47.167.304.990	456.831.718.326
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	96.760.036.860	96.760.036.860
Trích lập vào các quỹ	-	-	9.581.971.314	-	(23.080.336.890)	(13.498.365.576)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	180.000.000.000	37.000.000.000	202.246.384.650	-	66.847.004.960	486.093.389.610
Tăng vốn từ lợi nhuận	54.000.000.000	-	-	-	-	54.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	125.307.921.538	125.307.921.538
Tăng khác	-	1.658.500	-	-	790.985.657	792.644.157
Trích lập vào các quỹ	-	-	16.033.295.177	-	(38.289.808.539)	(22.256.513.362)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(62.100.000.000)	(62.100.000.000)
Tăng vốn trong năm	-	(37.000.000.000)	-	-	(16.998.930.000)	(53.998.930.000)
Giảm khác	-	-	(790.985.657)	-	(3.572.360.301)	(4.363.345.958)
Số dư tại ngày 31/12/2015	234.000.000.000	1.658.500	217.488.694.170	-	71.984.813.315	523.475.165.985

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên năm 2015 số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc trả cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 30% mệnh giá cổ phần. Trong năm, Công ty đã chia cổ tức 54.000.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 với tỷ lệ là 30% mệnh giá cổ phần. Ngày 30 tháng 10 năm 2015, Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 01/2015/NQQ-HĐQT đã thông qua và thống nhất tạm chia cổ tức bằng tiền mặt đợt 1 năm 2015 là 15% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 35.100.000.000 đồng.

Trong năm, Công ty đã trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển của năm 2014 là 3.862.286.269 đồng theo Nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014, quỹ thưởng Ban điều hành công ty là 2.000.000.000 đồng từ lợi nhuận còn lại của năm 2014 theo Nghị quyết 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2015. Đồng thời, Ban Giám đốc Công ty đã tạm trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi 9.128.256.681 đồng, quỹ đầu tư phát triển là 9.128.256.681 đồng và quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 2.000.000.000 đồng từ lợi nhuận năm 2015.

Trong năm 2015, thông qua Nghị Quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2015 thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu từ 180.000.000.000 đồng lên 234.000.000.000 đồng với tỷ lệ thực hiện 30% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 30 cổ phiếu mới) trong đó chuyển từ thặng dư vốn cổ phần là 37.000.000.000 đồng, lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 là 16.998.930.000 đồng và phần còn lại 1.070.000 đồng thông qua thu tiền mặt theo nghị quyết HĐQT số 01/2015/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Trong năm, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của Công ty là 3.597.832.457 đồng. Khoản tiền này không được sử dụng để chia cổ tức cho cổ đông.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	3.476.710	3.345.957
- Euro (EUR)	7	7

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty lựa chọn lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt trên hai lĩnh vực kinh doanh khoáng sản và lĩnh vực cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác. Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Các thông tin bộ phận về các lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty như sau:

31/12/2015

	Hoạt động kinh doanh khoáng sản <u>VND</u>	Hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Tài sản			
Tài sản bộ phận	387.192.106.494	262.459.755.767	649.651.862.261
Tài sản không phân bổ			<u>189.342.644.230</u>
Tổng tài sản			<u><u>838.994.506.491</u></u>
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	20.705.967.360	176.516.986.441	197.222.953.801
Nợ phải trả không phân bổ		-	<u>118.296.386.705</u>
Tổng nợ phải trả			<u><u>315.519.340.506</u></u>

31/12/2014

	Hoạt động kinh doanh khoáng sản <u>VND</u>	Hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Tài sản			
Tài sản bộ phận	364.700.432.827	275.592.354.216	640.292.787.043
Tài sản không phân bổ			<u>139.845.081.487</u>
Tổng tài sản			<u><u>780.137.868.530</u></u>
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	18.694.602.810	162.355.164.092	181.049.766.902
Nợ phải trả không phân bổ			<u>112.994.712.018</u>
Tổng nợ phải trả			<u><u>294.044.478.920</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Kết quả kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Hoạt động kinh doanh khoáng sản		
Doanh thu	704.700.750.968	598.614.238.701
Giá vốn	<u>(453.295.386.702)</u>	<u>(387.700.058.310)</u>
Lợi nhuận gộp	<u>251.405.364.266</u>	<u>210.914.180.391</u>
Hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác		
Doanh thu	33.039.007.332	25.394.159.237
Giá vốn	<u>(20.687.274.685)</u>	<u>(16.662.071.011)</u>
Lợi nhuận gộp	<u>12.351.732.647</u>	<u>8.732.088.226</u>

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Công ty chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam nên không có khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

25. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	704.700.750.968	598.614.238.701
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	<u>33.039.007.332</u>	<u>25.394.159.237</u>
	<u>737.739.758.300</u>	<u>624.008.397.938</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	453.295.386.702	387.700.058.310
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	<u>20.687.274.685</u>	<u>16.662.071.011</u>
	<u>473.982.661.387</u>	<u>404.362.129.321</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.449.573.592	41.338.814.458
Chi phí nhân công	78.831.939.620	69.331.667.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.910.053.486	32.405.816.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	308.629.628.725	282.542.183.404
Chi phí khác	88.369.503.538	80.471.926.766
	<u>579.190.698.961</u>	<u>506.090.409.062</u>

00-
HÀ
G
EM
DIT
i N/
H

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	1.259.060.374	773.151.846
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.597.832.457	940.323.729
	<u>4.856.892.831</u>	<u>1.713.475.575</u>

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí lương nhân viên quản lý	21.313.755.558	17.561.414.983
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.970.511.945	3.970.622.936
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác.	12.859.559.737	12.548.310.937
	<u>43.143.827.240</u>	<u>34.080.348.856</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí lương nhân viên bán hàng	10.721.706.557	10.649.286.092
- Chi phí tiền xúc đá tiêu thụ	33.942.476.529	40.989.402.412
- Các khoản chi phí bán hàng khác	17.400.027.248	16.009.242.381
	<u>62.064.210.334</u>	<u>67.647.930.885</u>

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	162.761.834.155	125.309.897.345
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(3.597.832.457)	(940.323.729)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	8.327.836.612	4.380.314.599
Thu nhập chịu thuế	<u>167.491.838.310</u>	<u>128.749.888.215</u>
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>36.848.204.428</u>	<u>28.324.975.407</u>

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	36.848.204.428	28.324.975.407
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>36.848.204.428</u>	<u>28.324.975.407</u>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	125.307.921.538	96.760.036.860
Trừ: lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(3.597.832.457)	(940.323.729)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(18.256.513.362)	(11.498.365.576)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	103.453.575.719	84.321.347.555
Cổ phiếu đang lưu hành	23.400.000	23.400.000
Lãi trên cổ phiếu	<u>4.421</u>	<u>3.603</u>

Theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành là 5.400.000 cổ phần. Tại ngày 01 tháng 7 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 5.400.000 cổ phần. Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số đã báo cáo	5.336
Điều chỉnh do áp dụng chính sách kế toán mới	(651)
Điều chỉnh cho việc phát hành thêm cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần	(1.080)
Số liệu trình bày lại	<u>3.603</u>

32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 28 tháng 11 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 203/2013/NĐ-CP (“Nghị định 203”) quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nghị định 203 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2015. Căn cứ theo Nghị định 203, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng địa chất còn lại kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tại ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ có ban hành Công văn số 723/TTg-KTN đồng ý chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho phần trữ lượng đã khai thác trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và giao Bộ Tài nguyên và Môi trường lập báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, việc xác định và ghi nhận giá trị quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tùy thuộc vào quyết định và hướng dẫn cụ thể của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

33. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>7.107.128.420</u>	<u>6.590.646.178</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	9.913.675.822	4.964.599.535
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	39.654.703.286	18.682.629.546
Sau năm năm	280.549.192.651	162.864.746.663
	<u>330.117.571.759</u>	<u>186.511.975.744</u>

Các khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện các khoản tiền thuê phải thu từ việc cho thuê đất tại Khu công nghiệp Đất Cuốc với thời hạn thuê trung bình 47 năm.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	175.309.550.025	126.659.994.615
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.481.346.618	109.337.523.254
Ký quỹ, ký cược dài hạn	9.374.906.587	6.808.781.882
	<u>265.165.803.230</u>	<u>242.806.299.751</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	63.653.711.797	23.034.991.615
Chi phí phải trả	1.596.414.840	352.001.091
	<u>65.250.126.637</u>	<u>23.386.992.706</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị còn lại ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	78.052.140.623	71.519.833.440	-	-
Euro (EUR)	176.211	186.565	-	-

Công ty có rủi ro tỷ giá phát sinh trong việc thanh toán lại các khoản tiền thuê nhận trước từ khách hàng thuê khu công nghiệp. Ảnh hưởng của khoản chênh lệch tỷ giá này đã được Công ty đảm bảo bằng việc ký gửi ngoại tệ ngắn hạn tại ngân hàng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

500-
NHÁI
IG T
IEMH
OIT
I NA
P.HC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	Dưới 01 năm VND	Trên 01 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	175.309.550.025	-	175.309.550.025
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.481.346.618	-	80.481.346.618
Tài sản dài hạn khác	-	9.374.906.587	9.374.906.587
Tổng cộng	255.790.896.643	9.374.906.587	265.165.803.230
Phải trả người bán và phải trả khác	63.653.711.797	-	63.653.711.797
Chi phí phải trả	1.596.414.840	-	1.596.414.840
Tổng cộng	65.250.126.637	-	65.250.126.637
Chênh lệch thanh khoản thuần	190.540.770.006	9.374.906.587	199.915.676.593
	Dưới 01 năm VND	Trên 01 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.659.994.615	-	126.659.994.615
Phải thu khách hàng và phải thu khác	109.337.523.254	-	109.337.523.254
Tài sản dài hạn khác	-	6.808.781.882	6.808.781.882
Tổng cộng	235.997.517.869	6.808.781.882	242.806.299.751
Phải trả người bán và phải trả khác	23.034.991.615	-	23.034.991.615
Chi phí phải trả	352.001.091	-	352.001.091
Tổng cộng	23.386.992.706	-	23.386.992.706
Chênh lệch thanh khoản thuần	212.610.525.163	6.808.781.882	219.419.307.045

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	3.209.568.000	2.835.454.000

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm 35.100.000.000 đồng (năm 2014 là 27.000.000.000 đồng), là số tiền đã công bố trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Vào ngày 18 tháng 2 năm 2016, Tổng Công ty Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”), cổ đông đang nắm giữ 11.711.052 cổ phần, tương ứng với tỉ lệ sở hữu là 50,05% vốn điều lệ của Công ty đã đăng ký bán toàn bộ số lượng cổ phần nêu trên theo phương thức thỏa thuận hoặc khớp lệnh. Theo đó, SCIC đã hoàn tất việc bán toàn bộ 11.711.052 cổ phần trong thời gian từ ngày 24 tháng 2 năm 2016 đến ngày 26 tháng 2 năm 2016 theo Báo cáo kết quả giao dịch của người có liên quan vào ngày 29 tháng 2 năm 2016.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại theo thông tư 200/2014-TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo <u>VND</u>	Số phân loại lại <u>VND</u>	Số sau phân loại lại <u>VND</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
TÀI SẢN			
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC			
Phải thu ngắn hạn khác	150.999.283	1.514.767.600	1.665.766.883
Tài sản ngắn hạn khác	1.514.767.600	(1.514.767.600)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			
Phải thu dài hạn khác	-	6.808.781.882	6.808.781.882
Tài sản dài hạn khác	6.808.781.882	(6.808.781.882)	-
NGUỒN VỐN			
C. NỢ PHẢI TRẢ			
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	4.514.464.404	4.514.464.404
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	162.355.164.092	(4.514.464.404)	157.840.699.688
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Quỹ đầu tư phát triển	168.873.103.898	33.373.280.752	202.246.384.650
Quỹ dự phòng tài chính	33.373.280.752	(33.373.280.752)	-



Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu



Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng




Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2016